

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Bà Mai Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G.

Tạm trú: Số 124 Đào Duy A, phường 9, quận Phú Nh Tp.HCM

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Bé Th, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An G

Tạm trú: Tổ 02, ấp Tám Ngàn, xã Bình Gi, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/9/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Th kết hôn vào năm 2008, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quyển số 01/2008 ngày 24/10/2008. Cuộc sống vợ chồng sau khi có hạnh phúc được khoảng 11 năm, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp; Vợ chồng thường hay cự cãi nhau không hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2020 giữa ông và bà Th ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông không còn tình cảm với bà Th, nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Chí H sinh ngày 21/7/2009 và Lê Bé T sinh ngày 12/5/2013. Hiện các con đang sống chung với bà Th, sau khi ly hôn ông đồng ý giao các con chung cho bà Th Tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2020; Biên bản hòa giải công khai chứng cứ tại tòa 09/12/2020 bà Hồ Thị Bé Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông L về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Th, tỉnh An Giang năm 2008. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L không quan tâm chăm sóc vợ con. Giữa bà và ông L ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Trước yêu cầu ly hôn của ông L bà không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Thống nhất lời trình bày của ông L. Sau khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn thể hiện ý kiến bà đồng ý ly hôn với ông L; Về con chung tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Lung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp:* Ông Lê Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ sổ hộ khẩu số 6468/CD thể hiện bà Hồ Thị Bé Th có nơi thường trú tại ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Gi. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn ông Lê văn L và bị đơn bà Hồ Thị Bé Th có đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 09/12/2020. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tén hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

#### *[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Ông Lê Văn L và bà Hồ Thị Bé Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 296/20082014, quyền số 01/2008 ngày 24/10/2008 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tén hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà mục đích tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ; Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2020 bà Th trình bày ý kiến về thời gian vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay; Giữa bà và ông L không ai có thiện chí có hàn gắn tình cảm vợ chồng; Trong quá trình tố tụng ông Lvẫn giữ yêu cầu ly hôn; Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Lkhông quan tâm chăm sóc vợ con. Hôn nhân giữa ông bà có thời gian ly thân, trong thời gian ly thân cả hai không ai thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà Th về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Điều này, thể hiện ông L và bà Th không còn tình cảm với nhau. Như vậy cả ông L, bà Th đã vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của ông L có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung Lê Chí H sinh ngày 21/7/2009 và Lê Bé T sinh ngày 12/5/2013. Hiện các con đang sống chung với bà Th, sau khi ly hôn bà Th đồng ý Tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Ông L đồng ý giao các con chung cho bà Th Tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp với văn bản trình bày ý kiến của cháu Lê Chí H và Lê Bé T cùng ngày 18/11/2020 thể hiện nội dung cháu có nguyện vọng Tiếp tục sống với bà Th. HĐXX căn cứ các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Th về con chung

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

Ông Lê Văn L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*[4] Quyền kháng cáo:*

Ông L, bà Th có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L. Ông Lê Văn L được ly hôn với bà Hồ Thị Bé Th

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G số 296/20082014 quyển số 01/2008 ngày 24/10/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị Bé Th được Tếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Lê Chí H sinh ngày 21/7/2009 và Lê Bé T sinh ngày 12/5/2013. Ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do bà Hồ THị Bé Th không có yêu cầu.

Bà Th phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007239 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ông Lê Văn Lung, bà Hồ Thị Bé Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã Cần Đăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Thùy Trang**